

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: 5756/SLĐTBXH-VLATLĐ      Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2021

## HƯỚNG DẪN

THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM TÀI NGHỊ ĐỊNH SỐ 152/2020/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (gọi tắt là Nghị định số 152/2020/NĐ-CP);

Để thống nhất thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng người lao động nước ngoài, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung như sau:

### **I. Trình tự thực hiện tuyển dụng, sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam**

#### **1. Xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài**

- Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động với cơ quan lao động,
- Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài thì người sử dụng lao động báo cáo trước ít nhất 30 ngày

#### **2. Xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động/Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động (gọi tắt là giấy phép lao động)**

Người sử dụng lao động sẽ thực hiện một trong các nội dung sau khi được cơ quan lao động chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động, cụ thể:

- Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động: Người sử dụng lao động đề nghị cơ quan quản lý lao động xác nhận trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài bắt đầu làm việc.
- Cấp giấy phép lao động: **Trước ít nhất 15 ngày**, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.

- Gia hạn giấy phép lao động: khi giấy phép lao động đã được cấp **còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày.**

- Cấp lại giấy phép lao động: khi giấy phép lao động còn thời hạn mà thuộc một trong các trường hợp như bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm làm việc.

### **3. Ký kết hợp đồng lao động**

- Người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động, sau khi được cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động

- Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) đã ký kết tới cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép lao động.

### **4. Báo cáo sử dụng người lao động nước ngoài**

Người sử dụng lao động nước ngoài thực hiện báo cáo 6 tháng đầu năm (**trước ngày 05/7**) và hằng năm (**trước ngày 05/ 01 của năm sau**) về tình hình sử dụng người lao động nước ngoài gửi cơ quan quản lý lao động

### **5. Thu hồi giấy phép lao động**

- Người sử dụng lao động thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 156 của Bộ luật Lao động, trong 15 ngày kể từ ngày giấy phép lao động hết hiệu lực để nộp lại cơ quan quản lý lao động kèm theo văn bản nêu rõ lý do thu hồi, trường hợp thuộc diện thu hồi nhưng không thu hồi được.

- Cơ quan cấp giấy phép lao động ra quyết định thu hồi giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều 20 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

## **II. Thành phần hồ sơ liên quan đến giấy phép lao động và thời gian giải quyết:**

### **1. Xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài**

#### *1.1. Phạm vi áp dụng:*

Các trường hợp người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, trừ một số trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 154 của Bộ luật Lao động và các khoản 1, 2, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

#### *1.2. Thành phần hồ sơ:*

- Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP;

- Báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

*1.3. Thời gian giải quyết:* 05 ngày làm việc

## **2. Xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động:**

*2.1. Phạm vi áp dụng:*

Các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động và Điều 7 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

*2.2. Thành phần hồ sơ:*

Thực hiện theo quy định, tại Khoản 3, Điều 8 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, gồm có:

- Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 09/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP;

- Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe;

- Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài;

- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật;

- Các giấy tờ để chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động;

*2.3. Thời gian giải quyết:* 05 ngày làm việc.

## **2.4. Các trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động:**

*a. Phạm vi áp dụng:*

Các trường hợp quy định tại khoản 4, 6 và 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động và khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP thì không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động nhưng phải báo cáo với cơ quan lao động, gồm có:

- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.

- Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư.

- Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.”

- Chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

- Vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.

- Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam được phép làm việc tại Việt Nam theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### *b. Báo cáo với cơ quan lao động:*

- Người sử dụng lao động sẽ có văn bản báo cáo với cơ quan lao động về các trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc, vị trí công việc, chức danh công việc.

- Thời gian thực hiện báo cáo: trước ít nhất 3 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.

### **3. Cấp giấy phép lao động:**

#### *3.1. Thành phần hồ sơ:*

a. Thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, gồm có:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp không quá 06 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.

- Văn bản, giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật và một số nghề, công việc.

- 02 ảnh màu.

- Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.

- Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài.

b. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đối với một số trường hợp đặc biệt:

\* Trường hợp 1: Đối với người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động, đang còn hiệu lực mà có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và cùng chức danh công việc ghi trong giấy phép lao động:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

- 02 ảnh màu.

- Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.

- Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài

\* Trường hợp 2: Đối với người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà thay đổi vị trí công việc hoặc chức danh công việc hoặc hình thức làm việc ghi trong giấy phép lao động theo quy định của pháp luật nhưng không thay đổi người sử dụng lao động

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Văn bản, giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật và một số nghề, công việc

- 02 ảnh màu.

- Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.

- Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài.

3.2. *Thời gian giải quyết:* 05 ngày làm việc

#### **4. Gia hạn giấy phép lao động:**

4.1. *Thành phần hồ sơ:*

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP

- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2021.NĐ-CP.

- 02 ảnh màu.

- Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.

- Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.

- Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe.

- Các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã được cấp.

4.2. *Thời gian giải quyết:* 05 ngày làm việc

#### **5. Cấp lại giấy phép lao động:**

5.1. *Thành phần hồ sơ:*

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- 02 ảnh màu.

- Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp:

+ Trường hợp giấy phép lao động bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan công an cấp xã nơi người nước ngoài cư trú hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật;

- + Trường hợp thay đổi nội dung ghi trên giấy phép lao động thì phải có các giấy tờ chứng minh.
- Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

*5.2. Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc*

## **6. Thu hồi giấy phép lao động:**

*6.1. Người sử dụng lao động thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài:*

a. Các trường hợp giấy phép lao động hết hiệu lực theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 156 của Bộ. luật Lao động, gồm có:

- Giấy phép lao động hết thời hạn.
- Chấm dứt hợp đồng lao động.
- Nội dung của hợp đồng lao động không đúng với nội dung của giấy phép lao động đã được cấp.
- Làm việc không đúng với nội dung trong giấy phép lao động đã được cấp.
- Hợp đồng trong các lĩnh vực là cơ sở phát sinh giấy phép lao động hết thời hạn hoặc chấm dứt.
- Có văn bản thông báo của phía nước ngoài thôi cử lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
- Doanh nghiệp, tổ chức, đối tác phía Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài tại Việt Nam sử dụng lao động là người nước ngoài chấm dứt hoạt động.

b. Sau khi thu hồi, người sử dụng lao động nộp lại giấy phép lao động đã được cơ quan lao động cấp, kèm theo văn bản nêu rõ lý do thu hồi, trường hợp thuộc diện thu hồi nhưng không thu hồi được.

c. Thời gian xác nhận đã thu hồi giấy phép lao động: 05 ngày làm việc, cơ quan lao động có văn bản xác nhận đã thu hồi giấy phép lao động gửi người sử dụng lao động.

*6.2. Cơ quan lao động ra quyết định thu hồi giấy phép lao động:*

a. Các trường hợp ra quyết định thu hồi:

- Người sử dụng lao động hoặc người lao động nước ngoài không thực hiện đúng quy định tại Nghị định này.
- Người lao động nước ngoài trong quá trình làm việc ở Việt Nam không thực hiện đúng pháp luật Việt Nam làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

b. Cơ quan lao động đã cấp giấy phép lao động ra quyết định thu hồi giấy phép lao động theo Mẫu số 13/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, thông báo cho người sử dụng lao động để thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài và nộp lại cho cơ quan đã cấp giấy phép lao động đó.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần trao đổi, kiến nghị đề nghị cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên hệ với Phòng Việc làm - An toàn lao động, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định, hoặc gửi nội dung trao đổi về email: [sldtbxh@tphcm.gov.vn](mailto:sldtbxh@tphcm.gov.vn), hoặc [vlatld.sldtbxh@tphcm.gov.vn](mailto:vlatld.sldtbxh@tphcm.gov.vn).

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- GD, PGD Sở LĐ-TBXH;
- BQL KCX-CN.TP, BQL KCNC.TP;
- Các Hiệp hội DN trên địa bàn TP;
- Phòng LĐTBXH TP.Thủ Đức, các quận, huyện;
- Văn phòng Sở (Bộ phận một cửa);
- Lưu: VP, P.VLATLD (PT).

**Lê Minh Tấn**

MẪU THAM KHẢO

**TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC  
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

V/v người lao động nước ngoài không phải làm thủ tục  
xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện  
cấp giấy phép lao động

Kính gửi: .....(1).....

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email:.....

Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động: .....

Thông tin liên hệ người nộp hồ sơ (họ tên, số điện thoại, email): .....

....(2)..... báo cáo người lao động nước ngoài dự kiến làm việc không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động, cụ thể như sau:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Quốc tịch: .....Số hộ chiếu: .....

Vị trí công việc: ..... Chức danh công việc: .....

Thời gian bắt đầu làm việc: ..... Thời gian kết thúc làm việc: .....

Địa chỉ làm việc: .....

Trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (*nêu rõ thuộc đối tượng nào quy định tại khoản 4, 6 và 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động và khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP*):

(Đính kèm các hồ sơ có liên quan)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

(1): Sở Lao động - Thương binh và Xã hội/ Ban quản lý Các khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố

(2): Ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

**TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC  
DOANH NGHIỆP**

-----

Số: .....

V/v thu hồi giấy phép lao động của người lao động  
nước ngoài

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: .....(1).....

Tên tổ chức/doanh nghiệp: .....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email:.....

Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động: .....

Thông tin liên hệ người nộp hồ sơ (họ tên, số điện thoại, email): .....

....(2)..... báo cáo tình hình thu hồi giấy phép lao động, cụ thể như sau:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Quốc tịch: .....Số hộ chiếu: .....

Vị trí công việc: ..... Chức danh công việc: .....

Thời gian bắt đầu làm việc: Từ ngày ... tháng ... năm ..... đến ngày ... tháng ... năm .....

Lý do thu hồi (*nêu rõ lý do*): .....

*(Đính kèm giấy phép lao động)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)*

(1) : Sở Lao động - Thương binh và Xã hội/ Ban quản lý Các khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố

(2): Ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp